

Số: 142/2026/QĐST-HNGĐ

Đà Nẵng, ngày 23 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116, Điều 117, Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;
Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự sơ thẩm thụ lý số: 81/2026/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2026 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông **Lê Đình V**, sinh ngày 13/10/1993; Địa chỉ: Căn hộ số A Chung cư F, phường N, thành phố Đà Nẵng.

- Bà **Hồ Đăng Hương T**, sinh ngày: 16/5/1999; Địa chỉ: Căn hộ số A Chung cư F, phường N, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Đình V và bà Hồ Đăng Hương T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng vào ngày 21/02/2025, là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự cho thấy quá trình chung sống giữa ông Lê Đình V và bà Hồ Đăng Hương T có phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Việc ông Lê Đình V và bà Hồ Đăng Hương T yêu cầu được thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần công nhận yêu cầu thuận tình ly hôn của ông bà.

[2]. Về con chung: Ông Lê Đình V và bà Hồ Đăng H Trà xác định có 01 con chung là Lê Hồ Khánh Đ, sinh ngày 25/12/2024. Khi ly hôn, ông bà thỏa thuận giao con chung cho bà Hồ Đăng H Trà trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên. Ông Lê Đình V cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 10.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 3 năm 2026 cho đến con chung thành niên.

Việc thỏa thuận nuôi con, cấp dưỡng nuôi con của ông Lê Đình V và bà Hồ Đăng H Trà là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp quy định tại Điều 81, 82, 83, 84, 116, 117, 118 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần công nhận sự thỏa thuận của ông bà.

[3]. Về tài sản chung: Ông Lê Đình V và bà Hồ Đăng Hương T xác định không có tài sản chung nên không đề cập giải quyết.

[4]. Về các vấn đề khác: Ông Lê Đình V và bà Hồ Đăng Hương T xác định không có nợ chung nên không xem xét.

[5]. Về lệ phí Tòa án: Căn cứ khoản 2 Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, ông Lê Đình V và bà Hồ Đăng Hương T phải chịu mỗi người 150.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ông bà đã nộp.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Lê Đình V và bà Hồ Đăng Hương T (Giấy chứng nhận kết hôn số 17 do Ủy ban nhân dân phường H, quận N (nay là Ủy ban nhân dân phường N), thành phố Đà Nẵng cấp ngày 21/02/2025 không còn giá trị pháp lý).

1.2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa bà Hồ Đăng Hương T và ông Lê Đình V về việc nuôi con chung như sau: Giao con chung là Lê Hồ Khánh Đ, sinh ngày 25/12/2024 cho bà Hồ Đăng H Trà trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên.

Ông Lê Đình V cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 3 năm 2026 cho đến khi con chung thành niên.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

1.3. Về tài sản chung: Ông Lê Đình V và bà Hồ Đăng Hương T xác định không có tài sản chung.

1.4. Về các vấn đề khác: Ông Lê Đình V và bà Hồ Đăng Hương T xác định không có nợ chung.

1.5. Lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Lê Đình V và bà Hồ Đăng Hương T phải chịu mỗi người 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) ông Lê Đình V và bà Hồ Đăng Hương T đã nộp tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng theo biên lai thu số 0001380 ngày 09 tháng 02 năm 2026.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngày sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 2 - Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- THADS thành phố Đà Nẵng;
- UBND phường Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Lê Thị Thúy Hằng